

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 4 - 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Hiêng

2. Bà Lò Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc H

Địa chỉ: C, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; **(Có mặt)**

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. **(Vắng mặt)**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 07/12/2016. Kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng. Chúng tôi đã sống ly thân từ ngày 10/3/2022 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Tôi và ông T có một con chung là Nguyễn Phạm Gia K - sinh ngày 04/9/2017. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với tôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản (riêng, chung): không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, riêng (phải trả, lấy về): không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Đối với bị đơn*: Không trả lời thông báo thụ lý vụ án; không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71/BLTTDS năm 2015. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tại Điều 70, 72/BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39/BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị HĐXX:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H ly hôn với ông T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Gia K - sinh ngày 04/9/2017 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ lấy về, nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn có nơi cư trú tại phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp: Xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Lấy lời khai của đương sự nên thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 81 của UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn cùng lời khai của nguyên đơn, có cơ sở xác định: Bà H và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 07/12/2016 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết nguyên đơn khai nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Bị đơn đã được thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, thể hiện sự không thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Như vậy, có căn cứ để xác định: bà H, ông T hiện không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, bà H có nguyện vọng được nuôi con. Nguyên vọng của bà H là chính đáng, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện thực tế của bà H có công việc và thu nhập ổn định. Hiện cháu K còn nhỏ, cần nhiều sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của bà H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H tự nguyện không yêu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phạm Gia K - sinh ngày 04/9/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002060 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Bà H đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/4/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Him Lam, TP ĐBP;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ